

Số/No: 58../2025/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025
Hanoi, 20 October 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
- Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch

- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF

- Mã chứng khoán/ Securities code: **FUETPVND**

- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date:

17/10/2025

- Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		1,167,860,000	96.59%
1	ACB	2,400	5.22%
2	BMP	100	1.24%
3	CTD	100	0.70%
4	CTG	500	2.22%
5	FPT	1,400	10.40%
6	GMD	1,200	6.70%
7	HDB	1,600	4.42%
8	KDH	1,200	3.39%
9	MBB	2,700	6.07%
10	MSB	2,300	2.52%
11	MWG	2,400	16.77%
12	NLG	1,100	3.83%
13	OCB	900	0.97%
14	PNJ	1,000	7.62%
15	REE	600	3.17%
16	TCB	3,700	12.62%
17	TPB	1,100	1.80%
18	VIB	200	0.33%
19	VPB	2,400	6.59%
II. Tiền/Cash		41,182,623	3.41%
III. Tổng/Total (=I+II)		1,209,042,623	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,167,860,000 VND

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,209,042,623 VND

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: 41,182,623 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có) / *In case stock can be replaced by cash:*

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ <i>Cash amount is replaced for 1 share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied investors</i>	Lý do/ <i>State the Reason</i>
TPB	21,725	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ <i>Tien Phong Securities Joint Stock Company</i>	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ hoặc người liên quan, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư/ <i>Restrictions on investment in parent company or related person shares, Investor is restricted from investing.</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other information (if any):*

Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period</i> 17/10/2025(*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> 16/10/2025(**)	Chênh lệch/ <i>Changes</i>
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ <i>Issued Shares</i>	5,100,000	5,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ <i>Close Price</i>	11,800	11,800	-
5. Giá trị tài sản ròng/ <i>Net Asset Value:</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	61,661,173,802	61,089,228,708	571,945,094
của một lô ETF/ <i>per Creation Unit</i>	1,209,042,623	1,197,828,013	11,214,610
của một chứng chỉ quỹ/ <i>per Share</i>	12,090.43	11,978.28	112.15
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Benchmark Index</i>	2,691.58	2,724.92	-33.34

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 16/10/2025/ *Item 5 is net asset value calculated as at October 16, 2025*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 15/10/2025/ *Item 5 is net asset value calculated as at October 15, 2025*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company



TỔNG GIÁM ĐỐC
Võ Anh Tú